

Số 91/2024/QĐST-HNGĐ

K, ngày 02 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 120/2024/TLST – HNGĐ, ngày 15/07/2024 về việc xin ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1983. Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã T1, huyện K, tỉnh H. Hiện trú tại: Thôn T2, thị trấn K, huyện K, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Lê Tiến D - sinh năm 1978. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn B, xã T1, huyện K, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Tuyên H1, sinh ngày 01/12/2006. Người giám hộ cho cháu H1 là chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tiến D, bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 07 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/07/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Lê Tiến D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Lê Tuyên H1, sinh ngày 01/12/2006 cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh D không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đôi với hai bên gia đình: Chị T và anh D không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được anh D nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002209, ngày 15/07/2024, nên chị T được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã T1;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THU H2